TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/HNGĐ-ST
Ngày 25/11/2020
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Thế Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và bà Phạm Hồng Thiêm.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà*: Không.*

Ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1971. (Có đơn xin xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Đỗ Thị Hồng M, sinh năm 1969. (Có mặt)

Đều trú tại: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đơn xin xử vắng mặt, anh C trình bày: Anh và chị M tự nguyện tìm hiểu và có tổ chức đám cưới vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau như vợ chồng, anh chị làm ăn sinh sống tại địa phương. Do tính tình không hợp, anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay, mỗi người ở một nơi. Nay anh xác định không thể chung sống với chị M được nữa, vì không đăng

ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên anh đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị M là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị M có 01 con chung là Lê Thị Tú A, sinh ngày 30/10/1997, hiện con chung đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định anh và chị M không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, chị M trình bày: Chị và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Do tính tình không hợp, anh chị phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Nay anh C yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh C là vợ chồng, chị đồng ý

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Lê Thị Tú A, sinh ngày 30/10/1997, hiện con chung đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định chị và anh C không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Chính có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị M đã chung sống như vợ chồng từ năm 1995 đến nay, cả hai đều đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Việc anh chị không đăng ký kết hôn được anh C và chị M thừa nhận và đã được UBND xã N xác nhận. Như vậy, anh Chính, chị M đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì việc anh chị không đăng ký kết hôn không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay anh C yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị M là vợ chồng, căn

cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh C và chị M.

[3]. Về con chung: Anh C và chị M đều xác định anh chị có 01 con chung là Lê Thị Tú A, sinh ngày 30/10/1997, hiện con chung đã thành niên nên anh, chị không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Lê Văn C và chị Đỗ Thị Hồng M là vợ chồng.

2.Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4.Về án phí: Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh Chính đã nộp theo biên lai số 0002373 ngày 24/9/2020 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, anh C đã nộp xong án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Chị M có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Chính vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Thái Thụy.*
- *THADS huyện Thái Thụy.*
- *TAND tỉnh Thái Bình.*
- *UBND xã N*
- *Các đương sự.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Thế Tương